

(Kèm theo Quyết định số: 625/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Điện Biên)

(Kèm theo Quyết định số: 625/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường PTDTBT TH xã Mường Nhà											
1	Vàng Thị Bảo Đan		2017	1a1	H.mông	Vàng A Chia	Bản Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
2	Lò Trinh Hải Đăng	2017		1a1	Thái	Trinh Thị Yên	Na Ó - Na Tông - Điện Biên	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
3	Ngô Thuỷ Linh		2017	1a1	Thái	Ngô Quốc Ngọc	Na Ó - Na Tông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
4	Lầu Thị Phương		2017	1a1	H.mông	Vàng Thị Dợ	Bản Gia Phú A - Na Tông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
5	Lường Mạnh Hùng	✓	2017	1a1	Thái	Vì Thị Hinh	Bản Na Phay 2 - Mường Nhà	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
6	Sùng A Minh		2017	1a2	H.mông	Vàng Thị Di	Phìn Hồ - Nậm Pồ	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
7	Lầu Thị Dế		2017	1a2	H.mông	Xa Dưa A Dĩa	Xa Dung - Điện Biên Đông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
8	Sùng Minh Du		2017	1a2	H.mông	Vừ Thị Súa	Hỏi Hương - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
9	Sùng A Thắng		2017	1a2	H.mông	Sùng A Sa	Xa Dung - Điện Biên Đông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
10	Bùi Anh Tú		2017	1a2	Mường	Lò Thị Vần	Suối Hoa - Tân Lạc - Hòa Bình	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
11	Lò Thị Kim Ngân		2017	1A3	Thái	Lò Văn Phòng	Bản Ban - Mường Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
12	Vàng Thị Dợ		2014	1A4	H.mông	Vàng A Dưa	Bản Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
13	Vàng Thị Thu Hằng	✓	2014	1A4	H.mông	Vàng A Sênh	Bản Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
14	Vàng Phi Lừ	✓	2014	1A4	H.mông	Vàng A Súa	Bản Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
15	Sùng Thị Ông		2017	1A5	H.mông	Sùng A Chứ	Bản Phi Cao - Mường Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
16	Vàng Minh Chung		2015	2a4	H.mông	Vàng A Thái	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
17	Vàng Anh Đông		2016	2a4	H.mông	Vàng A Thái	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
18	Vàng Thị Dénh		2016	2a4	H.mông	Vàng A Pó	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
19	Vàng Thị Sùng		2016	2a4	H.mông	Vàng A Phổng	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
20	Sùng Phương Vĩ		2017	1A6	H.mông	Sùng A Vừ	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
21	Vàng Minh Khang	2017		1A6	H.mông	Vàng A Chinh	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
22	Vừ Xi Ôn	2017		1A6	H.mông	Vừ A Thẻ	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
23	Vừ A Đông	2017		1A6	H.mông	Vừ A Đà	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
24	Vừ Tú Hoà	2017		1A6	H.mông	Vừ A Tà	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
25	Vàng An Bình	2017		1A6	H.mông	Vàng A Sênh	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
26	Lầu Thị Quỳnh		2017	1A6	H.mông	Lầu A Súa	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
27	Vàng A Vĩnh	2017		1A6	H.mông	Vàng A Xế	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
28	Vàng Long Hải	2017		1A6	H.mông	Vàng A Nù	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
29	Lầu A Mong	2017		1A6	H.mông	Lầu A Hạ	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
30	Lầu A Hai	2016		2A6	H.mông	Lầu A Chu	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
31	Lầu Thị Mai Hương		2016	2A6	H.mông	Lầu A Súa	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
32	Vừ Thị Nga		2016	2A6	H.mông	Vừ A Lầu	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
33	Lầu Thị Liên		2016	2A6	H.mông	Lầu A Thái	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
34	Lầu Thị Nhi		2016	2A6	H.mông	Lầu A Là	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
35	Sùng A Sơn	2016		2A6	H.mông	Sùng A Dính	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
36	Lầu Thị Nghi Xuân		2016	2A6	H.mông	Lầu A Công	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
37	Sùng A Huỳnh Anh	2016		2A6	H.mông	Sùng A Phổng	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
38	Vừ Thị Máy		2015	2A6	H.mông	Vừ A Tủa	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
39	Lầu Thị Dai		2017	1A9	H.mông	Lầu A Đế	Bản Pha Thanh	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
40	Vừ Thị Di		2017	1A9	H.mông	Vừ A Cua	Bản Pha Thanh	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000



STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Họ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
41	Hà A Hua	2017		1A9	H.mông	Vừ Thị Di	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
42	Lầu Thị/Hoà		2017	1A9	H.mông	Lầu A Và	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
43	Vừ Thị Lan		2017	1A9	H.mông	Vừ A Chứ	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
44	Lầu A Long	2017		1A9	H.mông	Giàng A Lầu	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
45	Hạ A Long	2017		1A9	H.mông	Lầu A Cửa	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
46	Vừ A Long	2017		1A9	H.mông	Vừ A Cồng	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
47	Giàng A Mông	2017		1A9	H.mông	Giàng A Lầu	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
48	Lầu A Mông	2017		1A9	H.mông	Lầu A Cửa	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
49	Hạ A Phong	2017		1A9	H.mông	Hạ A Sầu	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
50	Giàng A Số	2017		1A9	H.mông	Giàng A Và	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
51	Vàng A Thứ	2017		1A9	H.mông	Vàng A Nhia	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
52	Vừ Thị Di		2016	2A9	H.mông	Vừ A Cồng	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
53	Vừ A Dương	2016		2A9	H.mông	Vừ A Dơ	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
54	Vừ A Kênh	2016		2A9	H.mông	Vừ A Mánh	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
55	Vừ A Mông	2016		2A9	H.mông	Vừ A Sênh	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
56	Giàng Thị Si		2016	2A9	H.mông	Giàng A Lầu	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
57	Lầu Thị Xua		2016	2A9	H.mông	Lầu A Cửa	Bản Pha Thanh	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
58	Ly Si Hoà	2017		1A8	H.Mông	Ly A Châu	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
59	Ly A Hù	2017		1A8	H.Mông	Ly A Chia	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
60	Ly Thị Y Nhi		2017	1A8	H.Mông	Ly A Dơ	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
61	Ly Thị Nú		2017	1A8	H.Mông	Ly A Lầu	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
62	Ly Thị Kim Oanh		2017	1A8	H.Mông	Ly A Kỳ	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
63	Lường Văn Phương	2017		1A8	Khơ Mú	Lường Văn Cấp	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
64	Lò Hạo Quang	2017		1A8	Khơ Mú	Lường Văn Quê	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
65	Ly Anh Dũng	2016		2A8	HMông	Ly A Lầu	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
66	Lường Mạnh Duy	2016		2A8	Khơ Mú	Lường Văn Biên	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
67	Lường Văn Đon	2016		2A8	Khơ Mú	Lường Văn Cấp	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
68	Lò Mạnh Hùng	2016		2A8	Thái	Lò Văn Ngoan	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
69	Lường Thị Lan		2016	2A8	Khơ Mú	Lường Văn Chấn	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
70	Ly Thiện Phi	2016		2A8	HMông	Ly A Dơ	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
71	Ly Thị Tra		2016	2A8	HMông	Ly A Chờ	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
72	Lường Thị Hậu Trang		2016	2A8	Khơ Mú	Lường Thị Can	Bản Khon Kén - MN	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
73	Sùng Thị Linh		2016	2A1	H.mông	Sùng A Cầu	Máy Hóc, Phìn Hồ, Nậm Pồ	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
74	Vàng Quốc Huy	2014		2A1	H.mông	Vàng A Pháy	Dền Thàng A, Đào San, Phong Thổ	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
75	Vừ Như Ngọc Anh		2016	2A2	H.mông	Vàng Thị Chia	Bản Nà Nénh A - Pù Hồng	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
76	Sùng A Chu	2016		2A2	H.mông	Sùng A Thái	Bản Tia Ghénh - Xa Dung	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
77	Lầu Thuỷ Dung		2016	2A2	H.mông	Lầu A Tỉnh	Bản Thẩm Mỹ B - Xa Dung	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
78	Lầu Thị Hoa		2016	2A2	H.mông	Lầu A Dĩa	Bản Thẩm Mỹ A - Xa Dung	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
79	Lầu A Minh	2016		2A2	H.mông	Lầu A Tủa	Bản Thẩm Mỹ A - Xa Dung	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
80	Lầu A Sơn	2016		2A2	H.mông	Lầu A Cu	Bản Hồi Hương - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
81	Vàng Sùng Tiểu Thư		2016	2A2	H.mông	Vàng A Pó	Bản Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
82	Vàng A Dềnh	2017		2A3	HMông	Vàng A Dừa	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
83	Vàng Thị Dị		2017	2A3	HMông	Vàng A Chở	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
84	Lầu Danh Hòa	2017		2A3	HMông	Lầu A Thái	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000
85	Ly A Kénh	2017		2A3	HMông	Ly A Sò	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản ĐBK K	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
86	Lầu A Phi	2017		2A3	H.Mông	Lầu A Chùa	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
87	Lý Công Minh			2A3	H.Mông	Lý A Giảng	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
88	Mùa Minh Tân	2015		2A3	H.Mông	Mùa A Dính	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
89	Sùng A Tú			2A3	H.Mông	Sùng A Chia	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
90	Lầu Đa Khoa	2015		3a1	H.mông	Lầu A Dơ	Bản Hồi Hương - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
91	Vừ A Chùa	2015		3a1	H.mông	Vừ A Thỉnh	Bản Pha Thanh, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
92	Vàng Thị Du	2015		3a1	H.mông	Vàng A Nhia	Bản Pha Thanh, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
93	Lầu Thị Di	2015		3a1	H.mông	Lầu A Tỉnh	Bản Pha Thanh, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
94	Lý A Hòa	2015		3a1	H.mông	Lý A Nả	Bản Khon Kén, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
95	Vừ Thị Ly	2015		3a1	H.mông	Vừ A Công	Bản Hồi Hương, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
96	Sông A Nụ	2015		3a1	H.mông	Sông Bà Sùng	Bản Pha Thanh, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
97	Vừ A Phênh	2015		3a1	H.mông	Vừ A Sênh	Bản Pha Thanh, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
98	Sùng Long Quân	2015		3a1	H.mông	Sùng A Di	Bản Tia Ghênh - Xa Dung	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
99	Hạ Thị Đế Sênh	2015		3a1	H.mông	Hạ A Chữ	Bản Pha Thanh, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
100	Sùng A Sung Vi	2015		3a1	H.mông	Sùng A Chữ	Bản Hồi Hương, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
101	Lò Gia Bảo	2014		3a1	Thái	Lò Văn Quý	Nà Phay 1 - Mường Nhà	Khuyết tật vận động	150.000	5	750.000
102	Hạ Thị Di	2015		3A2	H.mông	Hạ A Hồng	Pha Thanh - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
103	Lương Thị Hằng Linh	2015		3A2	Kho mú	Lương Văn Biên	Hồi Hương - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
104	Lý A Xấu	2015		3A2	H.mông	Lý A Sênh	Khon Kén - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
105	Vàng Thị Sơ	2015		3A2	H.mông	Vàng A Ly	Hồi Hương - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
106	Vàng Đan Ny	2015		3A2	H.mông	Vàng A Sênh	Hồi Hương - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
107	Lầu A Mông	2015		3A2	H.mông	Lầu A Chùa	Pha Thanh - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
108	Lý A Thu	2015		3A2	Mông	Lý Thị Cổng	Pha Thanh - MN	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
109	Mùa Thị Du		2015	3A2	H.mông	Mùa A Tủa	Pha Thanh - MN	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
110	Vàng Sùng Như Ý		2015	3A2	H.mông	Vàng A Pó	Pha Lay - MN	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
111	Vàng Thị Quỳnh Anh		2015	3A3	HMông	Vàng A Chia	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
112	Ly Thị Ngọc Ánh		2015	3A3	HMông	Ly A Vừ	Khon Kén - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
113	Sùng Gia Bảo	2015		3A3	HMông	Sùng A Lông	Hồi Hương - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
114	Ly Trung Du	2015		3A3	HMông	Ly A Châu	Khon Kén - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
115	Giảng Thị Dạy		2015	3A3	HMông	Giảng A Vênh	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
116	Lò Ánh Dương	2015		3A3	Thái	Lò Thị Thịnh	Bản chà A - Pú Hồng	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
117	Quảng Duy Hoàng	2015		3A3	Thái	Quảng Văn Toan	Khon Kén - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
118	Vừ Thị Ni		2015	3A3	HMông	Vừ A Thẻ	Hồi Hương - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
119	Lầu Sĩ Quyền	2015		3A3	HMông	Lầu A Nénh	Xa Dung A - Xa Dung	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
120	Hạ A Và	2015		3A3	HMông	Hạ A Sừ	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
121	Cà Nam Hoài	2015		3A3	Thái	Cà Văn Biên	Bản Ban - Mường Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
122	Vàng Anh Dũng	2013		3A4	H'Mông	Vàng A Thái	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
123	Vàng Mai Si		2013	3A4	H'Mông	Vàng A Hự	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
124	Vàng Ngọc Tú	2013		3A4	H'Mông	Vàng A Chia	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
125	Thào Thị Dung		2013	3A4	H'Mông	Thào A Quả	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
126	Vừ Thị Kía		2014	4A1	H.mông	Vừ A Thénh	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
127	Vừ Thị Xi		2014	4A1	H.mông	Vừ A Di	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
128	Ly A Tênh	2014		4A1	H.mông	Ly Giổng Vả	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
129	Ly A Duy	2014		4A1	H.mông	Ly A Dua	Bản Khon Kén - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
130	Lầu A Son	2014		4A1	H.mông	Lầu A Pó	Bản Khon Kén - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000
131	Vừ Thị Xích		2024	4A1	H.mông	Vừ A Cho	Pha Thanh - Mường Nhà	Thôn bản ĐBK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
132	Vũ A Ly	2014		4A1	Mông	Vũ A sênh	Pha Thanh - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
133	Lý Thị Chia		2014	4A1	H.mông	Lý A Giông	Khon Kén - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
134	Vũ Thị Khu		2014	4A1	H.mông	Vũ A Dưa	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
135	Vàng A Kỳ	2014		4A1	H.mông	Vàng A Ly	Hồi Hương - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
136	Lý A Sùng	2024		4A1	H.mông	Lý A Lầu	Khon Kén - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
137	Cà Thị Kim Giang		2024	4A1	Thái	Cà Văn Biên	Bản Ban - Mường Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
138	Sùng Thao Nhi	2014		4A1	H.mông	Sùng A Di	Xa Dung - Điện Biên Đông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
139	Vũ Anh Tuấn	2014		4A1	Kinh	Tòng Thị Thích	Nà Ó - Nà Tông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
140	Lầu A Mạnh	2014		4a2	H.mông	Lầu A Cú	Hồi Hương - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
141	Vàng A Phúc	2014		4a2	H.mông	Vàng A Sai	Hồi Hương - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
142	Lý Thị Linh Na		2014	4a2	H.mông	Lý A Lầu	Khon Kén - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
143	Hạ Thị Chi		2014	4a2	H.mông	Hạ A Nu	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
144	Hạ Thị Chia		2014	4a2	H.mông	Hạ A Hồng	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
145	Lý Thị Hoa		2014	4a2	H.mông	Lý A Sò	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
146	Sùng A Thắng	2014		4a2	H.mông	Sùng A Chia	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
147	Lầu Thị Xi		2014	4a2	H.mông	Lầu A Chua	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
148	Hạ A Lành		2014	4a2	H.mông	Hạ A Pháy	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
149	Sùng A Tiêng	2014		4a2	H.mông	Sùng A Sa	Xa Dung- Điện Biên Đông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
150	Vũ Thị Bảo		2014	4a2	H.mông	Vũ A Cửa	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
151	Vàng A Phành	2014		4a2	H.mông	Vàng A Sà	Pha Thanh - Mường nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
152	Lường Văn Phong	2014		4a2	Khơ mú	Lường Văn Trân	Khon Kén - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
153	Hạ A Lau	2014		4a2	H. Mông	Hạ Gà Thái	Pha Thanh - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
154	Vàng A Duẩn	2014		4a2	H. Mông	Vàng A Tổng	Phi Xua - Phình Giàng	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
155	Quảng Tri Hiếu	2014		4a2	Thái	Lò Thị Lan	Na Phay 2- MN	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
156	Vàng A Dế	2014		4A3	HMông	Vàng A Dưa	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
157	Thào Tấn Dũng	2014		4A3	HMông	Thào A Quả	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
158	Vàng Thị Hồng		2014	4A3	HMông	Vàng A Gấu	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
159	Vàng Thị Ká		2014	4A3	HMông	Vàng A Pó	Pha Lay - Mường Nhà	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
160	Vàng Thị Lan		2014	4A3	HMông	Vàng A Chua	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
161	Vàng Tiến Mạnh	2014		4A3	HMông	Vàng A Súa	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
162	Vàng Thị Mai		2014	4A3	HMông	Vàng A Dế	Pú Hồng-Đ Biên Đông	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
163	Hạ Thị Máy Sinh		2014	4A3	HMông	Hạ A Trợ	Pha Lay - Mường Nhà	Hộ Nghèo	150.000	5	750.000
164	Mùa Thị Chứ		2013	5A1	H. Mông	Mùa A Dénh	Pha Thanh- Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
165	Lầu Thị Dĩa		2013	5A1	H. Mông	Lầu A Sênh	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
166	Lầu Duyên Hải	2013		5A1	H. Mông	Lầu A Pi	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
167	Lò Thị Trúc Linh		2013	5A1	Lào	Lò Thị Thành	Na Há 1- Phu Luông	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
168	Sùng Thị Mái		2013	5A1	H. Mông	Sùng A Say	Gia Phú A- Na Tông	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
169	Lầu Thị Sĩa		2013	5A1	H. Mông	Lầu A Và	Pha Thanh- Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
170	Sùng Sang Trọng	2013		5A1	H. Mông	Sùng A Câu	Hồi Hương- Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
171	Tòng Mạnh Tuấn	2013		5A1	Thái	Tòng Văn Quyết	Khon Kén- Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
172	Vừ Thị Vá		2013	5A1	H. Mông	Vừ A Nénh	Pha Thanh- Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
173	Tòng Thị Hồng Nhung		2013	5A1	Thái	Tòng Văn Chiến	Na Phay 1- Mường Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
174	Vàng A Du	2013		5A2	H.mông	Vàng A Chứ	Bản Hồi Hương - Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
175	Vàng Thị Đũa		2013	5A2	H.mông	Vàng Chờ Dế	Bản Pha Thanh - Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
176	Ly Thị Lĩa		2013	5A2	H.mông	Ly Thị Cống	Bản Pha Thanh - Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000
177	Vừ Thị Linh		2013	5A2	H.mông	Vừ A Phổng	Bản Huổi Hương - Mường Nhà	Thôn bản ĐBKk	150.000	5	750.000



STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đội Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
178	Mùa A Minh	2013		5A2	H.mông	Mùa A Tủa	Bản Pha Thanh - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
179	Hạ Thị Nàng		2013	5A2	H.mông	Hạ A Nu	Bản Pha Thanh - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
180	Sông Thị Nhung		2013	5A2	H.mông	Sông Bà Sùng	Bản Pha Thanh - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
181	Lò Thị Thảo		2013	5A2	Thái	Lò Văn Ngoan	Bản Khon Kén - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
182	Vừ A Tú	2013		5A2	H.mông	Vừ A Mếnh	Bản Pha Thanh - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
183	Bùi Anh Tuấn	2013		5A2	Mường	Lò Thị Vần	Bản Na Khoang - Mường Nhà	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
184	Nguyễn Ngọc Bảo An	2013		5A3	Kinh	Lò Thị Thảo	Bản Na Ô - xã Na Tông	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
185	Lý A Chồng	2013		5A3	H.mông	Lý A Khứ	Bản Pha Thanh, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
186	Vừ Thị Hoa		2013	5A3	H.mông	Vừ A Thề	Bản Hồi Hương, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
187	Lý A Hồng	2013		5A3	H.mông	Lý A Po	Bản Khon Kén, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
188	Lý A Là	2013		5A3	H.mông	Lý A Chua	Bản Khon Kén, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
189	Lầu A Nam	2013		5A3	H.mông	Lầu A Hạ	Bản Hồi Hương, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
190	Vừ A Sùng	2013		5A3	H.mông	Vừ A Tú	Bản Pha Thanh, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
191	Giàng A Xai	2013		5A3	H.mông	Giàng A Dềnh	Bản Pha Thanh, Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
192	Vàng Thị Gầu Dợ		2013	5A4	H.mông	Vàng A Chia	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
193	Vàng Thị Dợ		2013	5A4	H.mông	Vàng A Cài	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
194	Vàng Thị Dung		2013	5A4	H.mông	Vàng A Pó	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
195	Vàng Minh Khai	2013		5A4	H.mông	Vàng A Thái	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
196	Hạ Thị Ly	✓	2013	5A4	H.mông	Hạ A Thái	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
197	Vàng Trọng Minh	2013		5A4	H.mông	Vàng A Hự	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
198	Vàng Sùng Thénh	2013		5A4	H.mông	Vàng A Tà	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
199	Vàng Thị Xi		2013	5A4	H.mông	Vàng Sếnh Hạ	Pha Lay - Mường Nhà	Thôn bản DBKK	150.000	5	750.000
200	Lò Huy Hoàng	2015		1a1	Thái	Lò Thị Ngọc Chấm	Nà Phay 2 - Mường Nhà	Khuyết tật trí tuệ	150.000	5	750.000

